TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414 / 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 10 - 2018
V/v: Ly hôn giữa
chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.
Các Hội thẩm nhân dân dân:
Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Bà Trần Thị Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp " Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:386 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 01, đường Thủ Khoa N, khóm Long Thị C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lâm Tuấn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 01, đường Thủ Khoa N, khóm Long Thị C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Tôi và anh Lâm Tuấn T tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do, thường xuyên xảy ra bất đồng về tiền bạc, về quan hệ vợ chồng, thường xuyên cải vả, ghen tuông vô cớ, thường xuyên rượu chè dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Lâm Tuấn T.

Bị đơn anh Lâm Tuấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lâm Tuấn T vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70- 71- 72- 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lâm Tuấn T tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra bất đồng về tiền bạc, về quan hệ vợ chồng, thường xuyên cải vả, ghen tuông vô cớ, thường xuyên rượu chè dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Chị N yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lâm Tuấn T có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lâm Tuấn T được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu xin ly hôn với anh Lâm Tuấn T. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Lâm Tuấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

[5] Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm

trọng quyền, N vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lâm Tuấn T.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản: Không có, về nợ chung không có nợ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát là có cơ sở xem xét và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản Quy phạm pháp luật khác có liên quan.

[7] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lâm Tuấn T, sau khi Tòa án khi thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được. Ngày 14/6/2018 Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Lâm Tuấn T được anh Đỗ Văn Thành là cảnh sát khu vực khóm Long Thị C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu cung cấp anh Lâm Tuấn T, sinh năm 1982, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Long Thị C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện nay đương sự Lâm Tuấn T không có mặt tại địa phương. Ngày 31/7/2018 Tòa án tiến hành xác minh anh Lâm T Tuấn, cư trú khóm Long Thị C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu được anh Lâm Thanh Tuấn cung cấp, tôi là anh ruột của Lâm Tuấn T, vợ T tên Nguyễn Thị Ngọc N. Về hôn nhân của T - N tôi có ý kiến như sau: Vợ chồng T - N kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng T - N đi làm ăn xa tại tỉnh Đồng Nai cho đến ngày ly thân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, N lấy tiền gửi về cho gia đình cha mẹ ruột mà không nói với T nên vợ chồng xảy ra cải vả không hạnh phúc, ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Về con chung và tài sản chung không có.

Chị N và anh T chung sống có hạnh phúc một thời gian và phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 cho đến nay nhưng vợ chồng không tự hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng, mà diễn biến mâu thuẫn ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nghĩ nên cho chị N và anh T ly hôn là phù hợp. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[8] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004472 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9-51-56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lâm Tuấn T.

2. Về nuôi con chung:

- Không có.

3. Về chia tài sản:

- Không có.
- Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004472 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
-THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On